

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS PHONG PHÚ****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	148665	1	TRƯƠNG THỊ THIÊN AN	01/11/2005	Nữ	9A1	7.25	5.5	6	0	32
2	148695	2	NGUYỄN CHÍ GIA BẢO	02/10/2005	Nam	9A1	7.5	4.25	5.5	0	30.25
3	148758	5	HUỖNH TẤN DỪNG	17/06/2005	Nam	9A1	6.25	3.75	3.75	0	23.75
4	148762	5	ĐOÀN THỊ THÙY DƯƠNG	20/09/2005	Nữ	9A1	7.25	4	2	0	22.5
5	148769	5	NGUYỄN HOÀNG DUY	06/04/2005	Nam	9A1	6.75	9	5.5	0	33.5
6	148770	5	NGUYỄN HOÀNG MINH DUY	26/06/2005	Nam	9A1	7.75	6.5	5	0	32
7	148778	5	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG DUYÊN	25/03/2005	Nữ	9A1	7	4.5	5.5	0	29.5
8	148783	6	NGUYỄN TRÚC GIANG	05/11/2005	Nữ	9A1	7.75	7.5	4.25	0	31.5
9	148803	6	PHAN NGỌC BẢO HÂN	23/02/2005	Nữ	9A1	7.25	4.25	5.75	0	30.25
10	148816	7	TRẦN THANH HÀO	06/03/2005	Nam	9A1	7.5	5.75	6.25	0	33.25
11	148872	9	NGUYỄN GIA HUY	17/08/2005	Nam	9A1	6.5	3.5	6.25	0	29
12	148890	10	DƯƠNG PHÚC KHANG	14/11/2005	Nam	9A1	8	6	6.5	0	35
13	148925	12	MAI BÁ KHÔI	21/05/2005	Nam	9A1	7.5	7.5	6.5	0	35.5
14	148966	13	LÊ THỊ HỒNG LINH	30/10/2005	Nữ	9A1	8.25	5.75	6.75	0	35.75
15	148985	14	BÙI KIM LỢI	13/09/2005	Nữ	9A1	8	4.25	6.75	0	33.75
16	149040	16	ĐỖ HÀ KHÁNH NGÂN	04/10/2005	Nữ	9A1	8.75	8.25	8	0	41.75
17	149042	16	HỒ THỊ THANH NGÂN	24/10/2005	Nữ	9A1	6.75	4.75	2.5	0	23.25
18	149085	18	TRẦN BẢO NGỌC	19/07/2005	Nữ	9A1	8.75	6	5.5	0	34.5
19	149090	18	NGUYỄN LÊ HẠNH NGUYÊN	08/01/2005	Nữ	9A1	7.5	9.25	8.25	0	40.75
20	149149	21	HUỖNH CẨM NHUNG	10/12/2005	Nữ	9A1	7.5	5.5	4.75	0	30
21	149158	21	THÁI NGUYỄN BẢO NI	01/03/2005	Nữ	9A1	8.5	8.25	6.5	0	38.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149189	23	NGUYỄN THANH PHÚC	30/03/2005	Nam	9A1	7	8.75	5.75	0	34.25
23	149199	23	NGUYỄN THÀNH PHƯỚC	02/09/2005	Nam	9A1	7.25	9	8.25	0	40
24	149209	23	NGUYỄN PHẠM MINH QUÂN	07/02/2005	Nam	9A1	7	6	3.75	0	27.5
25	149226	24	LÊ DIỄM QUỲNH	08/11/2005	Nữ	9A1	8.25	4.5	5.5	0	32
26	149248	25	NGUYỄN THANH SƠN	01/12/2005	Nam	9A1	7.75	9	8	0	40.5
27	149277	26	NGUYỄN QUỐC THẮNG	26/02/2005	Nam	9A1	6.25	6.5	7	0	33
28	149292	27	KIỀU NGUYỄN HIẾU THẢO	03/08/2005	Nữ	9A1	8	7.75	7	0	37.75
29	149301	27	NGÔ THỊ MAI THI	14/03/2005	Nữ	9A1	8.5	4.5	5.75	0	33
30	149317	28	NGUYỄN THỊ MINH THƠ	13/03/2005	Nữ	9A1	8	6	6.5	0	35
31	149323	28	ĐOÀN MINH THƯ	17/04/2005	Nữ	9A1	8.25	5	3.5	0	28.5
32	149330	28	NGUYỄN MINH THƯ	22/07/2005	Nữ	9A1	7.75	8	5.25	0	34
33	149361	30	LƯU THỊ MINH THY	03/09/2005	Nữ	9A1	7.5	5	6.25	0	32.5
34	149362	30	NGUYỄN NGỌC CẨM THY	25/08/2005	Nữ	9A1	8	7.25	6.75	0	36.75
35	149393	31	TỔNG NGỌC PHƯƠNG TRÂM	13/07/2005	Nữ	9A1	8	8.25	6.75	0	37.75
36	149438	33	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG TRÚC	17/04/2005	Nữ	9A1	6	4.5	5	0	26.5
37	149454	34	THIỆU VĂN TRUNG	27/09/2005	Nam	9A1	7.75	4.25	5.25	0	30.25
38	149504	36	LÊ LÝ TRIỆU VI	28/09/2005	Nữ	9A1	8	5	7.75	0	36.5
39	149518	36	NGUYỄN LONG VŨ	10/01/2005	Nam	9A1	6.75	4	6.5	0	30.5
40	149532	37	PHẠM TƯỜNG VY	24/02/2005	Nữ	9A1	8	4.5	4.25	0	29
41	149545	37	TRANG CÔNG XUÂN	20/01/2005	Nam	9A1	6.75	6	8	0	35.5
Tổng cộng có tất cả: 41 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	148686	2	BÙI ĐÌNH BẢO	20/04/2005	Nam	9A2	7.25	5.5	6.25	0	32.5
2	148702	2	TRẦN GIA BẢO	31/12/2005	Nam	9A2	4.75	4.75	2.75	1	20.75
3	148715	3	ĐẶNG NGỌC MINH CHÂU	29/03/2005	Nữ	9A2	6.25	7.5	2.75	0	25.5
4	148752	4	NGUYỄN DUY ĐÔNG	10/03/2005	Nam	9A2	6.5	7.25	5	0	30.25
5	148756	5	PHÙNG NGỌC YẾN DUNG	04/03/2005	Nữ	9A2	6.75	2.75	6	0	28.25
6	148782	6	TRƯƠNG KIM DUYÊN	22/10/2005	Nữ	9A2	6.5	4.5	3	0	23.5
7	148790	6	HUỲNH HUỆ MINH GIÀU	09/01/2005	Nam	9A2	7	4	2.75	0	23.5
8	148800	6	NGUYỄN LƯU GIA HÂN	26/04/2005	Nữ	9A2	7.5	4.5	4.75	0	29
9	148804	7	TRẦN LƯU NGỌC HÂN	17/10/2005	Nữ	9A2	7	4.75	5.25	0	29.25
10	148823	7	PHAN TRUNG HẬU	13/09/2005	Nam	9A2	5.5	6.25	7.25	0	31.75
11	148901	11	NGUYỄN PHÚ KHÁNH	01/06/2005	Nam	9A2	6.5	7.25	5	0	30.25
12	148910	11	LÝ ĐĂNG KHOA	10/08/2005	Nam	9A2	6.5	5.75	7.5	0	33.75
13	148916	11	NGUYỄN LÊ DUY KHOA	13/09/2005	Nam	9A2	5.25	3.5	2	0	18
14	148934	12	NGUYỄN PHẠM GIA KIẾT	26/07/2005	Nam	9A2	6.25	4	5	0	26.5
15	148981	14	CAO HOÀNG TẤN LỘC	14/01/2005	Nam	9A2	7	4	2.5	0	23
16	149018	15	BINDI DHARMESH MODI	15/11/2005	Nữ	9A2	6	6.25	3	0	24.25
17	149046	17	LÊ HOÀNG THANH NGÂN	27/04/2005	Nữ	9A2	7	4.75	7.25	0	33.25
18	149064	17	VÕ KIM NGÂN	29/01/2005	Nữ	9A2	5.75	2	4.5	0	22.5
19	149093	19	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG NGUYÊN	08/06/2005	Nữ	9A2	7.75	7.5	7.75	0	38.5
20	149109	19	VÕ QUỐC NHÂN	25/01/2005	Nam	9A2	6.75	2.5	3	0	22
21	149117	20	LÊ HUỲNH YẾN NHI	12/08/2005	Nữ	9A2	6.5	3	7.25	0	30.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149121	20	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	04/11/2005	Nữ	9A2	5.5	4.5	3.5	0	22.5
23	149132	20	VU TRẦN ÁI NHI	12/02/2005	Nữ	9A2	6.75	5	3.75	1	27
24	149141	21	NGUYỄN KHÁNH NHƯ	14/07/2005	Nữ	9A2	7.75	4.5	5.5	0	31
25	149143	21	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	01/09/2005	Nữ	9A2	7.5	2.25	3.75	0	24.75
26	149201	23	HUỲNH HOÀNG PHƯƠNG	26/08/2005	Nam	9A2	5.75	4.5	8	0	32
27	149240	25	NGUYỄN HỮU SANG	02/06/2005	Nam	9A2	6.5	6	3.25	0	25.5
28	149256	25	CHUNG ANH TÀI	24/04/2005	Nam	9A2	6.75	4.25	7.25	0	32.25
29	149270	26	TRỊNH NGUYỄN HOÀNG TẤN	29/11/2005	Nam	9A2	6.75	5.5	5.5	0	30
30	149297	27	NGUYỄN THỊ THẢO	04/09/2005	Nữ	9A2	7.75	6.75	7	0	36.25
31	149350	29	TRẦN MINH THUẬN	11/05/2005	Nam	9A2	5.5	2.75	3.5	0	20.75
32	149370	30	PHẠM THỊ THÙY TIÊN	20/10/2005	Nữ	9A2	6.5	4.5	6.25	0	30
33	149396	31	CHUNG THỊ HUYỀN TRÂN	13/03/2005	Nữ	9A2	7.75	6.5	2.5	0	27
34	149414	32	LÊ THỊ THÙY TRANG	30/11/2005	Nữ	9A2	8	5.5	6.25	0	34
35	149422	32	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	24/01/2005	Nam	9A2	5.25	5.5	2.25	0	20.5
36	149436	33	BÙI THỊ THANH TRÚC	12/07/2005	Nữ	9A2	6.25	4.5	4.25	0	25.5
37	149452	34	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH TRUNG	05/01/2005	Nam	9A2	8	4.75	7.5	0	35.75
38	149482	35	NGUYỄN ANH TUYỀN	24/12/2005	Nữ	9A2	7.75	4	6	0	31.5
39	149509	36	VÕ HOÀNG VIỆT	19/02/2005	Nam	9A2	6	4	3.75	0	23.5
40	149524	37	NGÔ THANH TƯỜNG VY	30/04/2005	Nữ	9A2	6.5	4	2.75	0	22.5
41	149549	38	LÊ THỊ NGỌC YẾN	20/02/2005	Nữ	9A2	6.5	3.5	3.5	0	23.5
Tổng cộng có tất cả: 41 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS PHONG PHÚ****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	148675	1	NGUYỄN HỒNG ANH	02/10/2005	Nam	9A3	7	6	3.5	0	27
2	148699	2	PHẠM HOÀI BẢO	03/06/2005	Nam	9A3	5.25	2.75	3.25	0	19.75
3	148721	3	LÊ KIM CHI	14/05/2005	Nữ	9A3	7.25	3.5	5.25	0	28.5
4	148731	3	CAO THÀNH DANH	18/08/2005	Nam	9A3	6.75	3.5	3.25	0	23.5
5	148736	4	DƯƠNG THỊ HỒNG ĐÀO	01/07/2005	Nữ	9A3	6.25	2.75	2.75	0	20.75
6	148784	6	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	04/03/2005	Nam	9A3	6	3.75	2.5	0	20.75
7	148828	8	VŨ NGỌC HIỀN	10/02/2005	Nữ	9A3	5	2.75	1.25	0	15.25
8	148858	9	LÝ THUẬN HƯNG	17/05/2005	Nam	9A3	4.75	3.75	2.25	0	17.75
9	148896	10	PHẠM TRÍ KHANG	09/07/2005	Nam	9A3	6	3.5	2.5	0	20.5
10	148897	10	DƯƠNG KIM KHÁNH	30/10/2004	Nữ	9A3	7	6	4	0	28
11	148933	12	LÊ TUẤN KIẾT	08/11/2005	Nam	9A3	5	3.25	2.5	0	18.25
12	148949	13	VÕ LÊ DIỄM KIỀU	24/08/2005	Nữ	9A3	7.5	4	3.5	0	26
13	148970	13	NGUYỄN THỊ HOÀNG LINH	01/03/2005	Nữ	9A3	3.25	2.5	1	0	11
14	148990	14	MAI HOÀNG LONG	09/11/2005	Nam	9A3	5.25	5.5	2.5	0	21
15	149010	15	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	16/03/2004	Nam	9A3	5.5	4.25	2	0	19.25
16	149061	17	TRƯƠNG KIM NGÂN	31/12/2005	Nữ	9A3	6	4.25	3	1	23.25
17	149075	18	HUỲNH ÁNH NGỌC	13/05/2005	Nữ	9A3	5	3.5	3	0	19.5
18	149080	18	NGUYỄN KIM NGỌC	04/06/2005	Nữ	9A3	8.75	5.25	4	0	30.75
19	149124	20	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	10/10/2005	Nữ	9A3	6.25	3.5	3	0	22
20	149126	20	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	13/07/2005	Nữ	9A3	6.75	2.75	3	0	22.25
21	149163	21	ĐẶNG NGUYỄN TẤN PHÁT	01/08/2005	Nam	9A3	7	2.75	5.75	0	28.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149165	22	HUỖNH TIẾN PHÁT	09/10/2005	Nam	9A3	4.75	4.25	0.75	0	15.25
23	149200	23	TRẦN TẤN PHƯỚC	19/12/2005	Nam	9A3	6.5	5.25	2	0	22.25
24	149213	24	NGUYỄN CHÍ QUANG	25/09/2005	Nam	9A3	5.5	4.5	2.5	0	20.5
25	149238	25	HUỖNH DUY SANG	09/10/2005	Nam	9A3	6.5	2.5	2	0	19.5
26	149265	26	NGUYỄN HOÀNG MINH TÂM	23/10/2005	Nam	9A3	5.75	2.75	2	0	18.25
27	149307	27	PHAN LÊ MINH THIỆN	28/07/2005	Nam	9A3	5.25	3.25	2.25	0	18.25
28	149308	28	VÕ THÀNH THIỆN	01/03/2005	Nam	9A3	6.5	3.75	4	0	24.75
29	149324	28	HỒ HOÀNG ANH THU	08/12/2005	Nữ	9A3	7.25	2.25	4.5	0	25.75
30	149401	31	NGUYỄN HỮU CHÂN TRÂN	11/04/2005	Nữ	9A3	7.25	6.5	5.75	0	32.5
31	149443	33	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	02/10/2005	Nữ	9A3	8	3.75	5.75	0	31.25
32	149457	34	LẠI ĐAN TRƯỜNG	25/03/2005	Nam	9A3	7.25	4	3.25	0	25
33	149529	37	PHẠM HOÀNG KHÁNH VY	13/01/2005	Nữ	9A3	5.5	3	2.75	0	19.5
34	149538	37	TRẦN LÊ TƯỜNG VY	27/12/2005	Nữ	9A3	8.25	6.25	6	0	34.75
Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS PHONG PHÚ****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	148739	4	HUỖNH PHÁT ĐẠT	11/06/2005	Nam	9A4	7.5	2.75	2.5	0	22.75
2	148869	9	HUỖNH ĐỨC HUY	13/11/2005	Nam	9A4	5.25	4.5	2.75	0	20.5
3	148876	10	NGUYỄN QUANG HUY	28/01/2005	Nam	9A4	5.25	2.75	2.25	0	17.75
4	148894	10	NGUYỄN LÂM KHANG	27/10/2004	Nam	9A4	5.5	2.75	1.75	0	17.25
5	148915	11	NGUYỄN LÂM KHOA	25/11/2005	Nam	9A4	3.25	2.25	2.75	0	14.25
6	148928	12	NGUYỄN NGỌC HỒNG KHUÊ	29/12/2005	Nữ	9A4	6.25	3.75	1.75	0	19.75
7	148931	12	BÙI NGUYỄN TUẤN KIẾT	19/04/2005	Nam	9A4	7	4	1.5	0	21
8	148944	12	TRƯỜNG TUẤN KIẾT	06/01/2005	Nam	9A4	5.75	3.25	3.5	0	21.75
9	148980	14	TRẦN THỊ THANH LOAN	06/11/2005	Nữ	9A4	6.25	3.5	3.25	0	22.5
10	149100	19	ĐÀM MINH NHÂN	19/01/2004	Nam	9A4	7.75	6.25	7.25	1	37.25
11	149194	23	VÕ THỊ HỒNG PHÚC	07/04/2005	Nữ	9A4	6	2.5	3	0	20.5
12	149220	24	TỪ NGỌC MỸ QUYÊN	27/02/2005	Nữ	9A4	6.25	1	2	0	17.5
13	149229	24	NGÔ THỊ NHƯ QUỲNH	17/11/2005	Nữ	9A4	5.5	4.25	3	0	21.25
14	149272	26	LÂM QUỐC THÁI	03/10/2005	Nam	9A4	6	3.25	2	1	20.25
15	149283	26	BÙI XUÂN THÀNH	29/11/2005	Nam	9A4	6.5	3	3.25	0	22.5
16	149302	27	ĐINH HIẾU THIỆN	16/05/2004	Nam	9A4	6.5	4	3.5	1	25
17	149346	29	NGUYỄN MINH THUẬN	26/11/2005	Nam	9A4	6.75	5.25	2	0	22.75
18	149363	30	NGUYỄN YẾN THY	03/07/2005	Nữ	9A4	7.5	3	2.75	0	23.5
19	149383	31	ĐOÀN HOÀNG TIỀN	28/09/2005	Nam	9A4	4	2.25	7	0	24.25
20	149403	31	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRÂN	25/10/2005	Nữ	9A4	6.25	4.5	4.75	0	26.5
21	149432	33	HỒNG THANH TRỌNG	29/12/2005	Nam	9A4	7.5	3.25	3	0	24.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149466	34	NGUYỄN HUỖNH CẨM TÚ	17/02/2005	Nữ	9A4	4.25	3.75	2.25	0	16.75
23	149503	36	PHAN THỊ THANH VÂN	27/01/2005	Nữ	9A4	6.75	2	2.5	0	20.5
24	149537	37	TRẦN HẠ VY	03/01/2005	Nữ	9A4	8	3	3	0	25
25	149551	38	TRƯỜNG HẢI YẾN	25/11/2005	Nữ	9A4	7	3	2.5	0	22
Tổng cộng có tất cả: 25 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	148669	1	HUỖNH TUẤN ANH	07/11/2005	Nam	9A5	5.75	2.25	3	0	19.75
2	148672	1	LÊ MỸ ANH	18/11/2005	Nữ	9A5	6	3.5	5.75	0	27
3	148681	1	PHẠM TRẦN VIỆT ANH	08/01/2005	Nam	9A5	4	2	1.5	0	13
4	148689	2	HUỖNH GIA BẢO	05/01/2005	Nam	9A5	6.75	1.75	3.5	0	22.25
5	148713	3	PHAN THANH BÌNH	24/06/2005	Nam	9A5	5.5	6	4	0	25
6	148727	3	NGUYỄN LÊ CHÍ CƯỜNG	25/10/2005	Nam	9A5	6.25	3.25	4.5	0	24.75
7	148733	4	NGUYỄN VÕ THÀNH DANH	20/04/2005	Nam	9A5	7	2.5	4.25	0	25
8	148829	8	DƯƠNG VĂN HIẾU	25/07/2005	Nam	9A5	5.75	2.5	3.5	0	21
9	148850	8	LÊ THỊ NGÂN HUỆ	04/05/2005	Nữ	9A5	6.5	3.25	4	0	24.25
10	148871	9	NGUYỄN GIA HUY	06/04/2005	Nam	9A5	6.25	2.25	3	0	20.75
11	148909	11	LẠI KHÁNH THANH KHOA	07/11/2005	Nam	9A5	3.5	2	1.5	0	12
12	148935	12	NGUYỄN TUẤN KIẾT	04/07/2005	Nam	9A5	6.5	2.75	3.25	0	22.25
13	149017	15	VÕ NHỰT MINH	21/09/2005	Nam	9A5	6	4.75	2.75	0	22.25
14	149057	17	TRẦN NGUYỄN KIM NGÂN	15/05/2005	Nữ	9A5	6	4.25	2.25	0	20.75
15	149083	18	PHAN BÍCH NGỌC	24/04/2005	Nữ	9A5	6.5	3.75	4.75	0	26.25
16	149135	20	HỒ THỊ QUỲNH NHƯ	29/08/2005	Nữ	9A5	7	3.25	3.5	0	24.25
17	149156	21	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	18/10/2005	Nữ	9A5	5	2.75	2	0	16.75
18	149166	22	NGÔ TẤN PHÁT	02/07/2005	Nam	9A5	5.75	3.25	2.5	0	19.75
19	149169	22	NGUYỄN THƯỜNG PHÁT	03/09/2005	Nam	9A5	6.5	9	8.25	0	38.5
20	149192	23	TRẦN TẤN PHÚC	12/12/2005	Nam	9A5	5	4.5	2.75	0	20
21	149197	23	ĐIỀU THÀNH PHƯỚC	27/07/2005	Nam	9A5	5.25	1.75	4.75	0	21.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149221	24	VÕ THÚY QUYÊN	19/10/2005	Nữ	9A5	7.25	4.25	4.5	0	27.75
23	149274	26	LÊ HỒNG THẨM	22/03/2005	Nữ	9A5	4.5	1.5	3.5	0	17.5
24	149347	29	NGUYỄN PHAN BÍCH THUẬN	26/03/2005	Nữ	9A5	6.5	4.5	2.75	0	23
25	149356	30	TRẦN THỊ PHƯƠNG THÙY	26/02/2005	Nữ	9A5	6.25	2.5	3.25	0	21.5
26	149399	31	HỒNG NGỌC BẢO TRÂN	04/10/2005	Nữ	9A5	6.75	2.25	5.75	0	27.25
27	149458	34	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	13/06/2005	Nam	9A5	7	3.5	4.25	0	26
28	149478	35	LÊ VĨNH TƯỜNG	21/12/2005	Nam	9A5	4.25	5.75	5	0	24.25
29	149479	35	NGUYỄN LÝ GIA TƯỜNG	23/05/2005	Nữ	9A5	5.75	2.25	3.25	1	21.25
30	149501	36	NGUYỄN THỊ VÂN	28/07/2005	Nữ	9A5	5.5	1.5	7.75	0	28
Tổng cộng có tất cả: 30 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	148683	1	TRẦN NGỌC QUỲNH ANH	31/12/2005	Nữ	9A6	6	4.5	2.5	0	21.5
2	148729	3	LẠI NGUYỄN ĐẠI	30/01/2005	Nam	9A6	5	4.25	4.5	0	23.25
3	148734	4	TẠ THÀNH DANH	03/10/2005	Nam	9A6	4.5	2.25	2	1	16.25
4	148772	5	NGUYỄN KHÁNH DUY	22/05/2005	Nam	9A6	6.5	2	2.25	0	19.5
5	148776	5	VÕ LÊ KHÁNH DUY	26/03/2005	Nam	9A6	7.25	7.25	8	0	37.75
6	148794	6	PHAN HUY HẢI	04/02/2005	Nam	9A6	4	3.25	1	0	13.25
7	148795	6	TRẦN HOÀNG HẢI	13/07/2005	Nam	9A6	5.75	3	1.5	1	18.5
8	148839	8	LÝ THOẠI HÒA	04/09/2005	Nam	9A6	5	2.5	2.25	0	17
9	148845	8	PHẠM SỸ HOÀNG	01/09/2005	Nam	9A6	5.5	2.75	3	0	19.75
10	148877	10	NGUYỄN QUỐC HUY	24/02/2005	Nam	9A6	3.25	2	2.5	0	13.5
11	148906	11	DU LÂM TUYẾT KHOA	14/12/2005	Nữ	9A6	6	3.75	3	0	21.75
12	148945	12	TRƯƠNG TUẤN KIẾT	17/04/2005	Nam	9A6	5	6	3.5	0	23
13	148971	13	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	02/05/2005	Nữ	9A6	6.5	2.25	2	0	19.25
14	148994	14	TRẦN PHI LONG	11/09/2005	Nam	9A6	5.75	3.25	4.25	0	23.25
15	149015	15	TRẦN PHƯƠNG MINH	12/09/2005	Nam	9A6	4	4	1.75	0	15.5
16	149037	16	LÊ THỊ NGÀ	10/10/2005	Nữ	9A6	7.25	2.5	2.25	0	21.5
17	149051	17	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	15/10/2005	Nữ	9A6	6.25	4	3.75	0	24
18	149106	19	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	25/08/2005	Nam	9A6	5	3.5	1.75	0	17
19	149181	22	NGUYỄN TRẦN THANH PHONG	29/11/2005	Nam	9A6	6.75	4	5	0	27.5
20	149186	22	DƯƠNG QUANG PHÚC	04/03/2005	Nam	9A6	6.25	3.25	2.25	0	20.25
21	149187	22	HÀ GIA PHÚC	24/10/2005	Nam	9A6	7.75	7.75	4.5	0	32.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149243	25	VÕ HOÀNG SANG	22/03/2004	Nam	9A6	8.25	3	5.5	0	30.5
23	149258	25	NGUYỄN TẤN TÀI	17/01/2005	Nam	9A6	5.25	1.75	2.75	0	17.75
24	149449	33	LÊ VĂN PHƯỚC TRUNG	05/07/2005	Nam	9A6	6.75	2	2.75	0	21
25	149453	34	NGUYỄN THÀNH TRUNG	25/06/2005	Nam	9A6	4.5	2.25	3.5	0	18.25
26	149455	34	TRẦN THÀNH TRUNG	09/12/2005	Nam	9A6	6.75	2	3	0	21.5
27	149462	34	PHẠM CÔNG TRƯỜNG	13/08/2005	Nam	9A6	6.5	2.75	4.25	0	24.25
28	149467	34	NGUYỄN HUỲNH CẨM TÚ	16/08/2005	Nữ	9A6	3.25	2.75	1.5	0	12.25
29	149517	36	NGUYỄN DUY VŨ	03/05/2005	Nam	9A6	5	2.25	2.75	0	17.75
Tổng cộng có tất cả: 29 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	148688	2	CHÂU GIA BẢO	13/12/2005	Nam	9A7	2.5	4	1.75	1	13.5
2	148716	3	ĐỖ NGUYỄN MINH CHÂU	10/09/2005	Nam	9A7	6.25	5	4.25	0	26
3	148748	4	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	24/05/2005	Nam	9A7	5.75	2.25	3.25	0	20.25
4	148753	4	NGUYỄN ANH ĐỨC	19/12/2005	Nam	9A7	3	8.5	5	0	24.5
5	148791	6	LÊ VĂN GIÀU	19/11/2005	Nam	9A7	6.75	2.25	3.5	0	22.75
6	148811	7	HUỲNH MINH HÀO	06/08/2005	Nam	9A7	5	3.5	2	0	17.5
7	148849	8	NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG	13/12/2005	Nữ	9A7	6.5	2	3.25	0	21.5
8	148859	9	NGUYỄN THÀNH HÙNG	17/05/2005	Nam	9A7	6	4.25	0.5	0	17.25
9	148870	9	NGUYỄN BÙI QUỐC HUY	13/07/2005	Nam	9A7	4.5	1	2	0	14
10	148938	12	NGUYỄN TUẤN KIẾT	02/08/2005	Nam	9A7	2.75	2.75	2.75	0	13.75
11	148952	13	PHAN NGỌC MỸ KỲ	08/01/2005	Nữ	9A7	7.5	3	4	0	26
12	149041	16	ĐOÀN THỊ THANH NGÂN	17/02/2005	Nữ	9A7	6.75	3.25	1.25	0	19.25
13	149050	17	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	04/07/2005	Nữ	9A7	5.75	3.75	3.25	0	21.75
14	149077	18	MAI THỊ HỒNG NGỌC	16/08/2005	Nữ	9A7	6.25	3	3.5	0	22.5
15	149089	18	HỒ CHÍ NGUYỄN	01/11/2005	Nam	9A7	5.5	2	1.75	0	16.5
16	149110	19	NGÔ MINH NHẬT	24/01/2005	Nam	9A7	4	3	3.5	0	18
17	149112	19	CAO THỊ YẾN NHI	30/10/2005	Nữ	9A7	5.5	3.75	2.25	0	19.25
18	149125	20	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	13/05/2005	Nữ	9A7	7.25	3.25	4.75	0	27.25
19	149150	21	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	25/12/2005	Nữ	9A7	6.75	3.75	3.25	0	23.75
20	149154	21	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	16/02/2005	Nữ	9A7	4	4.25	3	0	18.25
21	149164	22	HUỲNH TẤN PHÁT	29/05/2005	Nam	9A7	6.5	3	3.75	0	23.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	149168	22	NGUYỄN HỮU PHÁT	07/10/2005	Nam	9A7	5.5	3.5	3.75	0	22
23	149188	23	NGUYỄN TẤN PHÚC	11/02/2005	Nam	9A7	5	3.5	4.5	0	22.5
24	149193	23	TRẦN THANH PHÚC	06/06/2005	Nam	9A7	5.25	2.5	3.5	1	21
25	149218	24	HUỲNH TÚ QUYÊN	08/04/2005	Nữ	9A7	5.75	4	3.75	0	23
26	149222	24	VĂN QUYỀN	22/11/2005	Nam	9A7	3.75	7	3.5	0	21.5
27	149247	25	NGUYỄN TẤN THÁI SON	26/07/2005	Nam	9A7	6.5	3.75	2.25	0	21.25
28	149257	25	NGUYỄN HOÀNG HỮU TÀI	01/06/2005	Nam	9A7	6	2.25	5	0	24.25
29	149267	26	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	21/02/2005	Nữ	9A7	6	6.75	5.75	0	30.25
30	149290	27	ĐỖ NGỌC THẢO	13/09/2005	Nữ	9A7	7	5.25	3.25	0	25.75
31	149300	27	TRỊNH THỊ PHƯƠNG THẢO	24/05/2005	Nữ	9A7	7	3.5	4	0	25.5
32	149385	31	HUỲNH THANH TOÀN	11/06/2005	Nam	9A7	4.75	1.5	1.75	0	14.5
33	149389	31	LÊ THỊ BÍCH TRÂM	04/12/2005	Nữ	9A7	4	2.75	3.25	0	17.25
34	149442	33	NGUYỄN THANH HỒNG TRÚC	16/06/2005	Nữ	9A7	5.5	5.25	3.25	0	22.75
35	149484	35	DƯƠNG THỊ MỘNG TUYỀN	19/12/2005	Nữ	9A7	6.5	4.5	4.25	0	26
36	149526	37	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	09/06/2005	Nữ	9A7	7	4.75	4.25	0	27.25
37	149530	37	PHẠM NGỌC TÂM VY	15/11/2005	Nữ	9A7	5	2	1.75	0	15.5
38	149540	37	TRẦN TRIỆU YẾN VY	05/10/2005	Nữ	9A7	7	3.75	3.75	0	25.25
39	149547	37	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	04/01/2005	Nữ	9A7	4.25	2.25	1.25	0	13.25
Tổng cộng có tất cả: 39 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS PHONG PHÚ

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	149417	32	PHAN THUY KIỀU TRANG	16/02/2004	Nữ	TDO	4.25	1.75	2.25	0	14.75
Tổng cộng có tất cả: 1 học sinh.											

